TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-02-2019
V/v "tranh chấp ly hôn giữa chị H với anh S"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Út
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Tấn Lợi
2. Nguyễn Văn Hải

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Lệ Trinh– Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 421/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1976 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Long An.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn S, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/9/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H trình bày: Chị và anh Nguyễn Tấn S cưới nhau vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/3/2009 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh S không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên ăn nhậu và còn kiếm chuyện đánh đập chị, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2009 đến nay. Nay nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh S nên chị H yêu cầu ly hôn với anh S.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tấn B, sinh

ngày 20/8/1997 đã trưởng thành, Nguyễn Tấn T, sinh ngày 07/3/2009 hiện đang sống với chị H và Nguyễn Tấn T có nguyện vọng sống với mẹ nên chị H yêu cầu tiếp tục nuôi con Nguyễn Tấn T, còn Nguyễn Tấn B đã trưởng thành nên chị H không có yêu cầu gì.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn S trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2019 như sau: Anh và chị H cưới nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn ngày 12/3/2009 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do Th tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, chị H tự ý bỏ đi và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay anh S không còn tình cảm với chị H nhưng vì thương con nên anh S không đồng ý ly hôn với chị H.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Tấn B, sinh ngày 20/8/1997 đã trưởng thành, Nguyễn Tấn T, sinh ngày 07/3/2009 hiện đang sống với chị H và anh S đồng ý để chị H tiếp tục nuôi, còn Nguyễn Tấn B đã trưởng thành nên anh không có yêu cầu gì.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Anh S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh S có yêu cầu vắng mặt trong suốt qúa trình tố tụng tại Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự có mặt đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Tấn S, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh S có yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Vợ chồng chị H và anh S cưới nhau năm 1996, có đăng ký kết hôn ngày 12/3/2009. Trong quá trình chung sống đã xãy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ cuối năm 2009 đến nay nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh S. Đối với anh S không đồng ý ly hôn với chị H chỉ vì thương con chứ anh S không còn tình cảm với chị H. Xét thấy, anh S cũng không còn tình cảm gì với chị H, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S đã trầm trọng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh S.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Tấn B, sinh ngày 20/8/1997 đã trưởng thành, Nguyễn Tấn T, sinh ngày 07/3/2009 hiện đang sống với chị H, anh S đồng ý để chị H tiếp tục nuôi nên yêu cầu tiếp tục nuôi con Nguyễn Tấn T của chị H là phù hợp cần được chấp nhận. Chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không đề cặp.

Về chia tài sản: Không có nên không đề cặp.

Về nợ chung: Không có có nên không đề cặp.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Đối với anh Nguyễn Tấn S, Tòa án đã tống đạt thông báo phiên tòa sơ thẩm hợp lệ nhưng anh S có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

Chị Nguyễn Thị Minh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn S là quan hệ tranh chấp ly hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh H và anh Nguyễn Tấn S cưới nhau vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/3/2009 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng chị H, anh S có mâu thuẫn với nhau là do Th tình không hợp nhau, anh S thường xuyên ăn nhậu, không lo cuộc sống gia đình vợ con và còn đánh đập chị H. Khi xảy ra mâu thuẫn cả hai không cùng nhau tìm ra cách giải quyết để vợ chồng hàn gắn tình cảm mà thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2009 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh S không đồng ý mặc dù anh S không còn tình cảm với chị H và anh S cũng không đến tham gia phiên tòa chứng tỏ anh S không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với đề nghị của đại diện Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh S.

Về nuôi con chung: Chị H và anh S có 02 con chung là Nguyễn Tấn B, sinh ngày 20/8/1997 đã trưởng thành, Nguyễn Tấn T, sinh ngày 07/3/2009 hiện đang sống với chị H và cháu T có nguyện vọng sống với mẹ, anh S cũng đồng ý để chị H tiếp tục nuôi cháu T nên việc chị H yêu cầu tiếp tục nuôi con là phù hợp cần được chấp nhận. Đối với Nguyễn Tấn B, sinh ngày 20/8/1997 đã trưởng thành, chị H và anh S đều không có yêu cầu gì nên việc sống với cha hay mẹ là tùy ở cháu B.

Anh S không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Nếu anh S có căn cứ chứng minh chị H hạn chế quyền thăm nom con hoặc không B đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng một vụ án khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con nên không đề cặp.

Về chia tài sản chung: Chị H và anh S đều trình bày không có tài sản chung nên không đề cặp.

Về nợ chung: Chị H và anh S đều trình bày không có nợ chung nên không đề cặp.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn S.

2.Về nuôi con chung: Chị H được tiếp tục nuôi con là Nguyễn Tấn T, sinh ngày 07/3/2009 hiện đang sống với chị H. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh S không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Nếu anh S có căn cứ chứng minh chị H hạn chế quyền thăm nom con hoặc không B đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về chia tài sản và nợ chung: Không có nên không đề cặp.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000425 ngày 28/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị H đã nộp đủ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyên thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã Long Cang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Út